

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN HẢI
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2022/DS-ST**

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

V/v Tranh chấp nợ hui và vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hoàng Mai

Bà Hoàng Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Hải: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2021/TLST-DS, ngày 14 tháng 12 năm 2021, về việc “*Tranh chấp nợ hui và vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 3 năm 2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 7, ấp BNA, xã LS, huyện KH, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Trương Bích P, sinh năm 1973 và ông Mai Văn T, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 7, ấp BNA, xã LS, huyện KH, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo hồ sơ vụ án và tại phiên tòa Nguyên đơn bà Huỳnh Thị L trình bày:

Vào năm 2018 đến năm 2019, bà Trương Bích P có tham gia một số dây hui do bà L làm chủ, cụ thể như sau: Dây thứ 1: Dây hui 1.000.000đ, vào ngày 06/12/2018, 01 tháng xổ 03 lần với 43 người chơi, bà P tham gia 03 chân hui. Bà P hót 03 chân với số tiền là: Lần 1 hót số tiền là 32.600.000 đồng vào ngày 06/12/2018. Lần 2 hót số tiền là 32.420.000 đồng vào ngày 05/01/2019. Lần 3 hót với số tiền là 32.640.000 đồng vào ngày 04/02/2019. Dây thứ 2: Dây hui 2.000.000đ, mở ngày 19/2/2019, 01 tháng xổ 02 lần, 24 người chơi và bà P tham

gia 02 chân hụi và đã hót 2 lần với số tiền là: Lần 1 hót số tiền là 41.400.000 đồng vào ngày 19/02/2019. Lần 2 hót số tiền là 40.950.000 đồng vào ngày 20/3/2019. Dây thứ 3: Dây hụi 1.000.000đ, mở ngày 15/8/2019, 01 tháng xỏ 03 lần với 50 người chơi và bà P đã hót với số tiền là 38.200.000 đồng vào ngày 15/8/2019. Đến ngày 01/6/2020, khi chốt nợ thì bà P chỉ còn nợ bà L tổng số tiền là 98.000.000đ.

Ngoài ra vào khoảng tháng 3/2018 bà P có mượn bà L số tiền 30.000.000 đồng. Đến tháng 11/2020, chồng bà P là ông Mai Văn T trả bà L số tiền 20.000.000đ và thỏa thuận sau 1 tháng sẽ trả đủ số tiền còn lại nhưng đến thời điểm này thì vẫn không trả số tiền 10.000.000đ còn lại.

Bà L yêu cầu vợ chồng bà Trương Bích P, ông Mai Văn T trả cho bà L số tiền hụi và tiền vay với tổng số tiền 108.000.000đ và lãi suất theo luật định từ ngày 01/6/2020 đến ngày giải quyết xong vụ việc

2. *Bị đơn bà Trương Bích P trình bày:* Bà P thừa nhận lời trình bày của bà L là đúng sự thật. Hiện nay, vợ chồng bà còn nợ bà L số tiền là 108.000.000đ và cam kết trả dần hàng tháng nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn đến nay chưa trả được. Nay bà P xin trả dần mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi hết nợ.

3. *Bị đơn ông Mai Văn T trình bày:* Ông T cho rằng ông không biết việc vợ ông là bà P tham gia chơi hụi cho đến khi vỡ hụi ông mới biết việc này. Còn tiền mượn 30.000.000đ thì ông T có đem tiền trả cho bà L 20.000.000đ, còn lại 10.000.000đ. Hiện ông T không có khả năng thanh toán nợ cho bà L T một lần, ông yêu cầu bà L cho vợ chồng ông được trả dần số nợ trên cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trương Bích P và ông Mai Văn T có nơi cư trú tại ấp BNA, xã LS, huyện KH, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp T vụ án: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà L yêu cầu vợ chồng bà P, ông T trả cho bà số tiền hụi và tiền mượn với tổng số tiền 108.000.000đ, yêu cầu trả T một lần và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất Nhà nước quy định từ ngày 01/6/2020 đến khi trả xong số nợ trên. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là “*Tranh chấp nợ hụi và vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P, ông T trả cho bà số tiền 108.000.000đ. Số tiền bà L yêu cầu vợ chồng bà P trả phù hợp với số tiền được ghi nhận T Giấy nợ, ngày 01/6/2020 được ký kết giữa bà L với bà P.

Việc bà P tham gia chơi hụi và vay tiền của bà L đều phục vụ phát triển kinh tế gia đình và đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình dẫn đến thất thoát vỡ hụi nên ông T là chồng của bà P cùng có trách nhiệm thanh toán nợ cho bà L. Nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà L đòi bà P, ông T trả số tiền hụi và vay là 108.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/6/2020 đến ngày 29/3/2022 theo mức lãi suất 10%/năm bằng số tiền lãi là 19.740.000đ là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí: $127.740.000đ \times 5\% = 6.387.000đ$. Buộc bà P, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Huỳnh Thị L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 93; Khoản 3 Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27; khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐCP ngày 19/02/2019 của Chính phủ. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L về việc yêu cầu bà Trương Bích P, ông Mai Văn T trả số tiền hụi.

1. Buộc bà Trương Bích P, ông Mai Văn T trả cho bà Huỳnh Thị L số tiền là 127.740.000đ (một trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì người phải thi hành án còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc bà Trương Bích P, ông Mai Văn T nộp 6.387.000đ (Sáu triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị L số tiền tạm ứng án phí là 2.700.000đ (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006915, ngày 30/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

3. Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án T thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát Kiên Hải;
- Chi cục Thi hành án Kiên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Tịnh